

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 553 /UBND-TH

Bình Định, ngày 08 tháng 02 năm 2023

V/v báo cáo một số chỉ tiêu ngoại
bảng cân đối kế toán Quý IV/2022
tại doanh nghiệp 100% vốn nhà
nước trên địa bàn tỉnh theo Thông
tư số 36/2021/TT-BTC ngày
26/5/2021 của Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Quyết định số 1405/QĐ-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; trên cơ sở kết quả rà soát, tổng hợp của các đơn vị có liên quan, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán Quý IV/2022 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Số lượng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định tính đến ngày 31/12/2022: 05 doanh nghiệp, gồm:

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;
- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn.

2. Báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán tại doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo chi tiết về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán trong quý IV/2022 của các doanh nghiệp:

- Báo cáo tổng hợp về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán của 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh Bình Định trong quý IV/2022: *theo phụ lục I đính kèm;*

- Báo cáo của 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ về một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán trong quý IV/2022: *theo báo cáo của 05 doanh nghiệp đính kèm.*

Trên đây là báo cáo một số chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán Quý IV/2022 tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

MẪU SỐ 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG
KỶ BÁO CÁO: QUÝ IV NĂM 2022
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CSH: UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị	1. Nợ phải thu khó đòi						2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước					
		Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		Tổng		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0		15.000.000.000	16.032.279.400	5.000.000.000	4.000.000.000	20.000.000.000	20.032.279.400
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	2.065.365.000	0	0	0	2.065.365.000
4	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	3.523.816.076	2.611.203.276	3.523.816.076	2.611.203.276	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	3.523.816.076	2.611.203.276	3.523.816.076	2.611.203.276	15.000.000.000	18.097.644.400	5.000.000.000	4.000.000.000	20.000.000.000	22.097.644.400

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Đơn vị	Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài						Vay và nợ dài hạn trong nước									
		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		Tổng		Vay dài hạn các NHTM, TCTD		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Thuế tài chính dài hạn trong nước		Các khoản vay dài hạn trong nước khác		Tổng	
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000	0	0	0	0	0	0	8.250.000.000	13.210.000.000
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	5.499.365.000	3.433.000.000	0	0	0	0	0	0	5.499.365.000	3.433.000.000
4	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	13.749.365.000	16.643.000.000	0	0	0	0	0	0	13.749.365.000	16.643.000.000

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Đơn vị	Vay và nợ dài hạn nước ngoài												Vốn điều lệ		Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	
		Vay lại vốn ODA của Chính phủ		Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		Phát hành TP (không bao gồm TP chuyển đổi)		Các khoản vay nước ngoài còn lại		Tổng					
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42.225.000.000	42.225.000.000	3.147.967.335	1.179.747.205
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	46.828.000.000	46.828.000.000	2.923.767.427	3.149.395.470
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	47.850.000.000	47.850.000.000	158.247.331	154.747.331
4	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	435.588.000.000	435.588.000.000	154.828.063	258.715.803
5	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	74.500.000.000	74.500.000.000	11.754.239.989	8.114.466.497
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	646.991.000.000	646.991.000.000	18.139.050.145	12.857.072.306

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Đơn vị	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN								Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN				Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau	
		Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		Lợi nhuận/ cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		Tổng		Trong đó: Lợi nhuận/ cổ tức đã nộp NSNN		Tổng			
		Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	-461.926.949	375.142.342	0	0	96.870.038	490.871.490	-365.056.911	866.013.832	800.000.000	200.000.000	2.113.560.603	541.812.799	669.349.821	1.503.948.238
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	99.016.409	-173.009.928	0	0	166.565.218	-656.806.958	265.581.627	-829.816.886	0	1.350.000.000	39.953.584	2.179.122.935	3.149.395.470	140.455.649
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	74.100.000	202.121.629	0	0	0	0	74.100.000	202.121.629	0	0	77.600.000	164.080.062	154.747.331	192.788.898
4	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	258.715.803	499.388.686	0	0	0	0	258.715.803	499.388.686	0	0	154.828.063	460.865.491	258.715.803	297.238.998
5	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	30.640.779.070	28.946.823.179	0	0	0	19.705.398.323	30.640.779.070	48.652.221.502	2.610.000.000	11.260.000.000	34.280.552.562	41.344.478.902	8.114.466.497	15.422.209.097
	Tổng cộng	30.610.684.333	29.850.465.908	0	0	263.435.256	19.539.462.855	30.874.119.589	49.389.928.763	3.410.000.000	12.810.000.000	36.666.494.812	44.690.360.189	12.346.674.922	17.556.640.880